

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NQ  
TỈNH NB**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11- 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NQ - NB**

**- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Hà Quang Văn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hứa Công Nguyên - Thẩm tra viên tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh NB.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện NQ, tỉnh NB tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh NB. Tòa án nhân dân huyện NQ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/10/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1993.**

Tên gọi khác: Không.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Quỳnh Phong II, xã SH, huyện NQ, tỉnh NB.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã SL, huyện NQ, tỉnh NB.

**2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1990; (tức Lê Văn C, sinh năm 1989).**

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Phong II, xã SH, huyện NQ, tỉnh NB.

(Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 24/02/2019 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện NQ nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Giữa chị Phạm Thị V và anh Lê Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SH, huyện NQ, tỉnh NB trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 28/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau cùng gia đình anh C tại thôn Quỳnh Phong II, xã SH, huyện NQ. Vợ chồng chị

chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh C hay chơi bời, cờ bạc về nhà đánh chửi chị V. Từ cuối năm 2013 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng cũng vì những nguyên nhân trên, chị V đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị V nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

**2. Về con chung:** Vợ chồng chị V, anh C có 1 con chung tên là Lê Thị HG, sinh ngày 07/7/2012. Hiện nay cháu Giang đang ở với chị V. Nếu được ly hôn chị V có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện NQ đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cho anh C biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh C đều vắng mặt tại các buổi hòa giải và cũng không viết bản tự khai gửi tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phạm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

\* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ly hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Lê Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị HG, sinh ngày 07/07/2012 cho chị Phạm Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Giang đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NQ nay chuyển sang án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã SH, huyện NQ thì anh C hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2019 của chị dâu anh C là chị Phạm Thị Phương cũng xác định hiện anh C vẫn đang sinh sống cùng mẹ đẻ và vợ chồng chị. Nên Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh NB thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lê Văn C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện NQ đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh C theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện NQ do không tổng đạt trực tiếp được cho anh C nên chị dâu anh C là chị Phạm Thị Ph trực tiếp nhận thay anh C và thông báo cho anh C. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C của Tòa án nhân dân huyện NQ là hợp lệ. Tại phiên tòa anh C vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

**[2]. Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Lê Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã SH, huyện NQ, tỉnh NB cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/11/2011. Do vậy hôn nhân giữa chị V và anh C được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị V, anh C hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do anh C và chị V bất đồng quan điểm sống, anh C hay chơi bời cờ bạc không chăm lo cho vợ con và có hành vi bạo lực gia đình. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi đánh nhau. Mâu thuẫn sâu sắc nhất vào khoảng cuối năm 2013 cũng vì những nguyên nhân vợ chồng tiếp tục cãi chửi đánh nhau nên chị V bế

con về nhà bố mẹ đẻ ở xã SL, huyện NQ sống. Kể từ đó vợ chồng chị V chính thức sống ly thân không ai quan tâm tới ai về mọi mặt. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án mặc dù tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng anh C không lên Tòa án làm việc để thể hiện ý kiến của mình. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V, anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

[3.1]. Vợ chồng chị V và anh C có một chung, cháu là Lê Thị HG sinh ngày 07/7/2012. Chị V có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu HG. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng chị V, anh C sống ly thân, cháu Lê Thị HG được chị V trực tiếp chăm sóc từ đó đến nay, chị V hiện đang làm công nhân giày da có thu nhập ổn định và không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Mặt khác, cháu là con gái cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ để phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần và bảo đảm sự ổn định về sinh sống và học tập của cháu. Cháu HG đã đủ 7 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với chị V. Do vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu HG nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu Giang cho chị V chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3.2]. Về cấp dưỡng nuôi con chị V không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 5; Điều 147; Điều 228 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Lê Văn C.**

**2. Về con chung:** Giao cháu Lê Thị HG, sinh ngày 07/07/2012 cho chị Phạm Thị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Giang đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì*

*người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Phạm Thị V phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000242 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NQ nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị V, anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã SH;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**ĐÀO THỊ HUỆ**